TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2023/DS-ST
Ngày: 26-9-2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Hiệp

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2023/TLST-DS, ngày 09 tháng 8 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2023/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 9 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 147/2023/QĐST- DS ngày 19 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1982

Đăng ký thường trú: Số A, T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Số nhà H ấp Q, xã Q, huyện T tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Huỳnh N1, sinh năm 1996 nơi cư trú số nhà G ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bà Đặng Huỳnh N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

**** Bị đơn***:

1. Ông Hồ Văn C, sinh năm 1969 (vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà A ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Huỳnh N1 trình bày:*

Do chỗ quen biết trước, nên từ năm 2019 ông Nguyễn Thanh N có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H. Khi mua bán ông N có lập sổ theo dõi số lượng giao thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông C, bà H. Ông Nguyễn Thanh N không phải là chủ đại lý thức ăn, chỉ mua bán nhỏ lẻ nên không có giấy phép kinh doanh.

Đến ngày 09/8/2022 giữa ông Nguyễn Thanh N và vợ chồng ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H có chốt nợ, theo đó ông C bà H còn thiếu ông N số tiền 419.732.000 đồng bà H đại diện cho vợ chồng có ký tên vào sổ theo dõi cho ông N. Sau đó ông N nhiều lần yêu cầu ông C, bà H trả nợ nhưng ông C, bà H chỉ hứa nhưng không thực hiện. Nay ông Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 419.732.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng) không yêu cầu tính lãi.

** Quá trình tố tụng ông Hồ Văn C có bản khai và trình bày:*

Ông thừa nhận hiện nay ông và vợ là bà Phạm Thị H còn nợ ông Nguyễn Thanh N tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 419.732.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng) và đồng ý cùng liên đới với bà Phạm Thị H trả số tiền 419.732.000 đồng cho ông Nguyễn Thanh N.

Bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không có bản khai và lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Bị đơn ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H có nơi cư trú tại ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Huỳnh N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xử xét xử vắng mặt ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H và bà Đặng Huỳnh N1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, quá trình tố tụng Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm

chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Khi khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N có cung cấp cho Tòa án giấy theo dõi ghi nợ thể hiện ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H còn nợ số tiền 419.732.000 đồng có chữ lý của bà Phạm Thị H. Quá trình tố tụng đã được bị đơn ông Hồ Văn C thừa nhận còn nợ số tiền 419.732.000 đồng đây là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chứng cứ để giải quyết vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Phạm Thị H không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông Nguyễn Thanh N với ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp. Bị đơn bà Phạm Thị H quá trình tố tụng vắng mặt không có bản khai, ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thừa nhận nợ của ông Hồ Văn C để giải quyết vụ án. Do ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ông Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 419.732.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng) là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ghi nhận ông Nguyễn Thanh N không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

[4] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh N được chấp nhận, nên ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch là 20.789.280 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273, 227, 228 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N.

Buộc ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh N số tiền 419.732.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn C, bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu 20.789.280 đồng (Hai mươi triệu, bảy trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 12.074.000 đồng (Mười hai triệu, không trăm bảy mươi bốn ngàn) cho ông Nguyễn Thanh N (do Đặng Huỳnh N1 nộp thay) theo biên lai thu số 0006977 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương